

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THI CÔNG CƠ GIỚI HÀ NỘI**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THI CÔNG CƠ GIỚI HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI CONSTRUCTION INVESTMENT AND MECHANIZATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107872451

**3. Ngày thành lập:** 02/06/2017

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 35c hẻm 26 ngách 62, ngõ 1 phố Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0463264333

Fax: 0463264335

Email: [cgghanoi@gmail.com](mailto:cgghanoi@gmail.com)

Website: [cgg.com.vn](http://cgg.com.vn)

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                | <b>Mã ngành</b> |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá | 3530            |
| 2.         | Khai thác và thu gom than cứng                                                  | 0510            |
| 3.         | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                    | 0891            |
| 4.         | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                              | 4649            |
| 5.         | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                 | 4659            |
| 6.         | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                    | 4661            |
| 7.         | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                | 4932            |
| 8.         | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ loại Nhà nước cấm)            | 0722            |
| 9.         | Xây dựng nhà các loại                                                           | 4100            |
| 10.        | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động    | 2814            |
| 11.        | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                       | 4210            |
| 12.        | Xây dựng công trình công ích                                                    | 4220            |
| 13.        | Lắp đặt hệ thống điện                                                           | 4321            |
| 14.        | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                 | 4322            |
| 15.        | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                  | 4329            |
| 16.        | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                  | 4520            |
| 17.        | Bán mô tô, xe máy                                                               | 4541            |
| 18.        | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                             | 4542            |

|     |                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Quảng cáo<br>(Không bao gồm: quảng cáo rượu, thuốc lá)                                                                                                                                   | 7310 |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                  | 4759 |
| 21. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                         | 4633 |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                      | 4651 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                       | 4652 |
| 24. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4723 |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                           | 4933 |
| 26. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                | 5510 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                  | 8299 |
| 28. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                         | 2591 |
| 29. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                           | 4662 |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>(Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật). | 7730 |
| 31. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                           | 2710 |
| 32. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                               | 4290 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                          | 6209 |
| 34. | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                                                            | 0520 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                      | 9522 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                      | 5229 |
| 37. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm: kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)                                                                             | 5610 |
| 38. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                    | 6201 |
| 39. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                      | 6202 |
| 40. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                      | 0710 |
| 41. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                              | 2790 |
| 42. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                             | 2592 |
| 43. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                        | 2740 |
| 44. | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung                                                                                                                                                   | 2815 |
| 45. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                | 2816 |
| 46. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                   | 4311 |
| 47. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm: hoạt động dò mìn, nổ mìn)                                                                                                                           | 4312 |
| 48. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                           | 4330 |

|     |                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 49. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                       | 4513        |
| 50. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                      | 4530        |
| 51. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                      | 4632        |
| 52. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                   | 4543        |
| 53. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                 | 4663        |
| 54. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                       | 4669        |
| 55. | Xuất bản phần mềm                                                                                                       | 5820        |
| 56. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán). | 7020        |
| 57. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>(chỉ hoạt động khi đủ điều kiện quy định pháp luật)              | 7110(Chính) |
| 58. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                          | 7120        |
| 59. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                      | 7210        |
| 60. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                | 7320        |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức       | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ LIÊN | Phòng 10E1 CT4 khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 10,000    | B5408265                                                                                    |         |
|     |                 |                                                                                            | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ DƯƠNG NGHĨA  | Tổ 11, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông | 150.000    | 1.500.000.000         | 10,000    | 0010830084<br>17                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                            | Tổng số           | 150.000    | 1.500.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                           |                   |           |                |        |           |  |
|---|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|----------------|--------|-----------|--|
| 3 | NGUYỄN ĐÌNH SỸ | Phòng 9D2 CT4 khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 1.200.000 | 12.000.000.000 | 80,000 | 017479155 |  |
|   |                |                                                                                           | Tổng số           | 1.200.000 | 12.000.000.000 | 80,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH SỸ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/02/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017479155

Ngày cấp: 16/05/2013 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 9D2 CT4 khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 9D2 CT4 khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội